

# LỰA CHỌN GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ QUẢNG NINH

ThS. Nguyễn Thị Hường<sup>1</sup>; ThS. Vũ Ngọc Thành<sup>2</sup>

**Tóm tắt:** Trên cơ sở khảo sát 325 sinh viên năm thứ nhất và năm thứ 2 tại trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh chúng tôi lựa chọn được 06 giải pháp nâng cao hiệu quả Giáo dục thể chất cho sinh viên nhà trường. Bước đầu ứng dụng các giải pháp lựa chọn trong thực tế và đánh giá hiệu quả cho thấy các giải pháp lựa chọn đã có hiệu quả cao trong việc nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất cho sinh viên. Tính hiệu quả của các giải pháp thể hiện rõ ở nhịp tăng trưởng thể lực của nhóm thực nghiệm tốt hơn hẳn nhóm đối chứng ở tất cả các test kiểm tra, mức độ chênh lệch đạt từ 0,36 – 1,39%.

**Từ khóa:** Giải pháp, nâng cao hiệu quả, giáo dục thể chất, sinh viên, trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh.

**Summary:** Based on a survey of 325 first- and second-year students at Quang Ninh Medical College, we have selected 06 solutions to improve the effectiveness of Physical Education for school students. The initial application of selected solutions in practice and effective evaluation shows that the selected solutions have been highly effective in improving the effectiveness of physical education for students. The effectiveness of the solutions is clearly shown in the fitness growth rate of the experimental group which is much better than that of the control group in all tests, the difference is from 0.36 to 1.39%.

**Keywords:** Solutions, efficiency improvement, physical education, students, Quang Ninh Medical College.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh (CĐYTQN) có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực y dược có chất lượng cao nghiên cứu khoa học và nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trong và ngoài tỉnh. Đây là ngôi trường có nhiều thành tích trong phong trào thi đua “đạy tốt - học tốt”, trong đó có thành tích môn học Giáo dục thể chất (GDTC). Xác định được tầm quan trọng về Thể dục thể thao (TDTT) trong trường học, Nhà trường coi phong trào TDTT không chỉ đem lại sức khỏe cho mọi người mà còn là nơi giao lưu, học hỏi hợp tác giúp đỡ lẫn nhau trong công tác giữa các trường, các đơn vị trong và ngoài trường. Ngoài ra, luyện tập TDTT còn là một trong những biện pháp tích cực nhất để phòng chống các tệ nạn xã hội trong sinh viên (SV). Nhận thức được tầm quan trọng của công tác GDTC trong trường học, trong những năm qua, trường CĐYTQN luôn tích cực, chủ động trong việc tổ chức hoạt động TDTT nội khóa và ngoại khóa cho SV, tuy nhiên, các kết quả đạt được còn chưa thực sự cao. Theo đánh giá của nhiều giảng viên GDTC tại trường, kết quả công tác GDTC của trường chưa thực sự tương ứng với tiềm năng sẵn có. Chính vì vậy, phân tích thực trạng công tác GDTC của trường, trên cơ

sở đó, phân tích chi tiết các điểm mạnh, điểm tồn tại và nguyên nhân trong công tác GDTC, từ đó tác động các giải pháp phát huy các điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu để nâng cao hiệu quả công tác GDTC tại trường là vấn đề cần thiết và cấp thiết. Tuy nhiên, vấn đề này trên thực tế lại chưa được quan tâm nghiên cứu. Trên cơ sở phân tích tầm quan trọng và tính cấp thiết của vấn đề, chúng tôi tiến hành nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả GDTC cho SV trường CĐYTQN.

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phân tích và tổng hợp tài liệu; quan sát sự phạm; phỏng vấn, kiểm tra sự phạm; thực nghiệm sự phạm và toán học thống kê.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

### 2.1 Thực trạng công tác GDTC và hoạt động TDTT của Trường CĐYTQN

#### 2.1.1 Hoạt động GDTC nội khóa

Trường CĐYTQN hiện đang giảng dạy đầy đủ nội dung GDTC nội khóa cho SV theo chương trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo với 3 học kỳ trong đó có 1 học kỳ học học phần Điền kinh, 1 học kỳ học học phần Bóng chuyền và 1 học kỳ học học phần Bóng rổ.

Hoạt động GDTC nội khóa thường được tổ chức theo chương trình đào tạo tín chỉ, mỗi lớp tín chỉ

1: Trường Đại học Lao động – xã hội

2: Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh

khoảng 80 SV, giảng dạy trong giờ học chính khóa và được bố trí 3 tiết/tuần (mỗi tiết học 50 phút). Trang thiết bị phục vụ hoạt động GDTC của Nhà trường còn ít cả về số lượng và hạn chế về chất lượng so với tổng số SV và nhu cầu tập luyện TDTT của SV Nhà trường.

### 2.2.2 Hoạt động TDTT ngoại khóa:

Việc tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa cho SV Nhà trường đã được quan tâm, tuy nhiên, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của SV. Phần lớn các hoạt động TDTT ngoại khóa của cán bộ giảng viên và SV nhà trường diễn ra thường xuyên và theo hình thức tự phát, có thể tập luyện theo nhóm hoặc theo sự yêu thích của cá nhân. Các môn thể thao được tổ chức tập luyện thường chỉ bao gồm các môn trong hệ thống thi đấu thể thao của nhà trường như Cầu lông, Bóng bàn, Bóng đá, Bóng chuyền và Tennis. Các môn thể thao khác chưa được chú trọng phát triển. Bên cạnh đó việc tổ chức tập luyện ngoại khóa theo nhu cầu của SV hoàn toàn chưa được chú ý và thiếu cán bộ hướng dẫn tập luyện TDTT ngoại khóa

đã làm ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển phong trào TDTT của nhà trường.

### 2.1.3 Hoạt động giao lưu, thi đấu TDTT:

- Giải Bóng đá nam, nữ giữa các liên chi đoàn các khoa.

- Giải Bóng chuyền thường niên chào mừng ngày thành lập Đoàn 26/3.

- Tham gia giải bóng chuyền nam do tỉnh Quảng Ninh tổ chức.

- Tham gia giải Bóng đá nam do tỉnh Quảng Ninh tổ chức.

## 2.2 Lựa chọn giải pháp nâng cao hiệu quả GDTC cho SV trường CĐYTQN

Tiến hành lựa chọn giải pháp nâng cao hiệu quả GDTC cho SV trường CĐYTQN theo các bước:

- Lựa chọn qua tham khảo tài liệu và quan sát sự phạm;

- Lựa chọn qua phỏng vấn trên diện rộng bằng phiếu hỏi;

- Tham khảo ý kiến của các chuyên gia GDTC.

Qua nghiên cứu và tổng hợp tài liệu, quan sát sự

**Bảng 1: Lựa chọn giải pháp nâng cao hiệu quả GDTC cho SV trường CĐYTQN (n=35)**

TT	Các giải pháp	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết	
		m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%
1	Nâng cao nhận thức ý nghĩa, vai trò của GDTC trong trường học bằng phương pháp tuyên truyền	30	85.7	3	8.6	2	5.7
2	Nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống cơ sở vật chất sẵn có của Nhà trường	28	80.0	3	8.6	4	12.4
3	Tăng cường đội ngũ hướng dẫn tập luyện TDTT ngoại khóa bằng phương pháp đào tạo lực lượng hướng dẫn viên thể thao	25	71.4	5	14.3	5	14.3
4	Tăng mật độ động trong giờ học chính khóa bằng đổi mới phương pháp giảng dạy	23	65.7	7	20.0	5	14.3
5	Tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa thường xuyên, liên tục, có hiệu quả	26	74.3	5	14.3	4	12.4
6	Tăng cường tổ chức các giải thi đấu thể thao	24	68.6	8	22.8	3	8.6
7	Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ GDTC chính khóa và ngoại khóa	15	42.8	10	28.6	10	28.6
8	Tăng cường đội ngũ giáo viên	16	45.7	8	22.8	11	31.5

phạm và phỏng vấn trực tiếp các giáo viên GDTC tại trường CDYTQN và các trường lân cận, chúng tôi lựa chọn được 08 giải pháp nâng cao hiệu quả GDTC cho SV nhà trường. Tiếp theo chúng tôi lựa chọn những giải pháp phù hợp và có hiệu quả nhất nhằm nâng cao chất lượng GDTC cho SV trường CDYTQN, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn các cán bộ quản lý và giáo viên GDTC tại các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn thành phố Quảng Ninh. Chúng tôi quy ước chỉ lựa chọn những giải pháp đạt từ 70% trở lên ý kiến tán thành ở mức rất cần thiết để nâng cao hiệu quả GDTC cho SV nhà trường. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 1.

Kết quả bảng 1 và theo quy ước đặt ra, nghiên cứu đã lựa chọn được 06 giải pháp nâng cao hiệu quả GDTC cho SV trường CDYTQN (là các giải pháp được in đậm tại bảng 1). Hai giải pháp còn lại có ý kiến tán thành ở mức rất cần thiết <70% nên bị loại.

### 2.3. Ứng dụng và đánh giá hiệu quả các giải pháp

#### 2.3.1 Tổ chức thực nghiệm

- Thực nghiệm được tiến hành thực nghiệm theo hình thức thực nghiệm so sánh song song.

- Đối tượng thực nghiệm 325 SV, trong đó có 112 SV năm thứ nhất (58 nam và 54 nữ); 105 SV năm thứ hai (49 nam và 56 nữ) và 108 SV năm thứ ba (53 nam và 55 nữ) được chia thành 2 nhóm theo phương pháp bốc thăm ngẫu nhiên.

+ Nhóm thực nghiệm gồm 159 SV, trong đó có 51 SV năm thứ nhất (26 nam và 25 nữ) và 55 SV năm thứ hai (25 nam và 30 nữ); 53 SV năm thứ ba (24 nam và 29 nữ); Nhóm thực nghiệm áp dụng các giải pháp lựa chọn của đề tài để nâng cao chất lượng GDTC.

+ Nhóm đối chứng gồm 166 SV, trong đó có 55 SV năm thứ nhất (27 nam và 28 nữ) và 59 SV năm thứ hai (26 nam và 33 nữ); 52 SV năm thứ ba (25 nam và 27 nữ). Nhóm đối chứng tập luyện GDTC theo phương pháp thường được tổ chức tại trường.

- Thời gian thực nghiệm được căn cứ vào chương trình môn học GDTC năm học 2020 -2021 từ tháng 9 năm 2020 tới tháng 6 năm 2021 tương ứng với 02 học kỳ.

- Công tác kiểm tra, đánh giá được tiến hành ở thời điểm trước và sau thực nghiệm theo các tiêu chí: Trình độ thể lực (theo tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực ban hành kèm theo quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

#### 2.3.2 Kết quả thực nghiệm

\* *Kết quả thực hiện từng giải pháp*

+ **Giải pháp 1:** Nâng cao nhận thức ý nghĩa, vai trò của GDTC trong trường học bằng phương pháp tuyên truyền.

- Tổ chức tuyên truyền định kỳ 01 buổi/tuần, mỗi buổi 30, vào thứ 4 hàng tuần về tầm quan trọng, ý nghĩa, vai trò của GDTC trong trường học.

- Trong 75% giờ học, các GV đã thông qua bài giảng liên hệ với thực tế giúp SV hiểu được vai trò, ý nghĩa, tác dụng và lợi ích của TĐTT.

+ **Giải pháp 2:** Nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống cơ sở vật chất sẵn có của Nhà trường.

- 100% giáo án giảng dạy GDTC nội khóa tận dụng tối đa cơ sở vật chất sẵn có của Nhà trường trong việc tập luyện các môn thể thao.

- 1 tháng/ 1lần, giảng viên và SV tiến hành vệ sinh, bảo quản trang thiết bị, dụng cụ, cơ sở vật chất tập luyện.

+ **Giải pháp 3:** Tăng cường đội ngũ hướng dẫn tập luyện TĐTT ngoại khóa bằng phương pháp đào tạo lực lượng hướng dẫn viên thể thao Đào tạo được 04 tình nguyện hướng dẫn tập luyện thể thao cho các lớp, khối trong phạm vi nhà trường.

+ **Giải pháp 4:** Tăng mật độ động trong giờ học chính khóa bằng đổi mới phương pháp giảng dạy

- 100% giáo án môn học GDTC nội khóa đổi mới hình thức tổ chức quản lý giảng dạy, hạn chế những hình thức tập luyện đơn lẻ không cần thiết, khuyến khích tập luyện theo nhóm trong đó SV thực hiện tốt kèm thêm cho những SV thực hiện chưa tốt.

- 100% giáo án Thiết kế giáo án tận dụng hết các dụng cụ và không gian sẵn có trong tập luyện cho SV, giúp SV có điều kiện tập luyện tốt hơn.

+ **Giải pháp 5:** Tổ chức hoạt động TĐTT ngoại khóa thường xuyên, liên tục, có hiệu quả Tổ chức hoạt động TĐTT ngoại khóa môn Cầu lông quanh năm dưới hình thức câu lạc bộ thể thao có người hướng dẫn.

+ **Giải pháp 6:** Tăng cường tổ chức các giải thi đấu thể thao

- Tổ chức 02 giải thi đấu thể thao toàn trường chào mừng ngày 26/3 và ngày 20/11.

- Tổ chức 12 buổi thi đấu thể thao giữa các lớp trong cùng khối học hoặc giữa các khối học trong trường.

Kết quả phát triển thể lực, phát triển phong trào và kết quả học tập của SV Trước thực nghiệm, tiến hành so sánh kết quả kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo 06 test quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đồng thời so sánh tỷ lệ SV tham gia tập luyện TĐTT ngoại khóa của SV năm thứ nhất, năm thứ hai và năm thứ ba của nhóm thực nghiệm và đối

Bảng 2. Kết quả kiểm tra trình độ thể lực của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm – thời điểm trước thực nghiệm

TT	Test/đối tượng	Nhóm đối chứng		Nhóm thực nghiệm		Sự khác biệt thống kê	
		$\bar{x}$	$\delta$	$\bar{x}$	$\delta$	$t_{\text{tính}}$	$p$
<b>Năm thứ nhất</b>							
<b>Nam</b>		<b>(n=27)</b>		<b>(n=26)</b>			
1	Lực bóp tay thuận (KG)	42,21	4,12	42,28	4,23	1,23	>0,05
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 s)	19,05	1,97	19,17	2,01	1,27	>0,05
3	Bật xa tại chỗ (cm)	213,17	10,12	214,45	10,50	1,31	>0,05
4	Chạy 30m XPC (s)	5,62	0,54	5,64	0,56	1,09	>0,05
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	12,29	1,33	12,21	1,37	1,28	>0,05
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	973,59	88,15	969,32	88,07	1,25	>0,05
<b>Nữ</b>							
1	Lực bóp tay thuận (KG)	27,20	2,81	27,10	2,83	1,03	>0,05
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 s)	17,60	1,75	17,70	1,77	1,41	>0,05
3	Bật xa tại chỗ (cm)	159,35	15,97	160,33	15,90	1,32	>0,05
4	Chạy 30m XPC (s)	6,57	0,62	6,55	0,63	1,27	>0,05
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	12,86	1,25	12,84	1,26	1,09	>0,05
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	887,27	89,1	886,32	88,90	1,12	>0,05
<b>Năm thứ hai</b>							
<b>Nam</b>		<b>(n = 26)</b>		<b>(n = 25)</b>			
1	Lực bóp tay thuận (KG)	44,27	4,35	44,23	4,27	1,11	>0,05
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 s)	20,25	2,01	20,31	2,03	1,28	>0,05
3	Bật xa tại chỗ (cm)	215,26	10,70	215,03	10,50	1,33	>0,05
4	Chạy 30m XPC (s)	5,52	0,51	5,53	0,53	1,26	>0,05
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	12,13	1,31	12,12	1,33	1,15	>0,05
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	978,37	92,12	981,23	91,07	1,28	>0,05
<b>Nữ</b>		<b>(n = 33)</b>		<b>(n = 30)</b>			
1	Lực bóp tay thuận (KG)	28,13	2,61	8,21	2,75	1,23	>0,05
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 s)	18,16	1,65	18,14	1,71	1,32	>0,05
3	Bật xa tại chỗ (cm)	162,27	14,91	162,72	14,96	1,46	>0,05
4	Chạy 30m XPC (s)	6,35	0,67	6,31	0,65	1,41	>0,05
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	12,46	1,28	12,42	1,23	1,23	>0,05
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	903,47	87,10	908,12	88,20	1,19	>0,05

**Bảng 3. So sánh tỷ lệ SV tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước thực nghiệm**

TT	Đối tượng	Nhóm đối chứng			Nhóm thực nghiệm		
		n	m <sub>i</sub>	%	n	m <sub>i</sub>	%
1	Năm thứ nhất	55	13	23.64	51	12	23.53
2	Năm thứ hai	59	10	16.95	55	9	16.36
3	Năm thứ ba	52	11	21.15	53	11	20.75

chúng. Kết quả được trình bày tại bảng 2 và bảng 3.

Kết quả tại bảng 2 cho thấy, trước thực nghiệm, kết quả kiểm tra trình độ thể lực ở các test kiểm tra trên nhóm thực nghiệm và đối chứng ở cả nam và nữ không có sự khác biệt thống kê, thể hiện  $t_{\text{tính}} < t_{\text{bảng}}$  ở ngưỡng xác suất  $P > 0,05$ .

Qua bảng 3 cho thấy: Kết quả thu được tương ứng ở tỷ lệ SV tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa. Ở thời điểm trước thực nghiệm, tỷ lệ SV tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa của nhóm đối chứng và thực nghiệm là tương đương nhau ở cả năm thứ nhất, năm thứ 2 và năm thứ 3.

Kết quả tại bảng 2, 3 cho thấy trước thực nghiệm,

kết quả kiểm tra trình độ thể lực của SV nhóm thực nghiệm và đối chứng là tương đương nhau, hay nói cách khác, sự phân nhóm hoàn toàn khách quan.

Sau thực nghiệm, chúng tôi tiếp tục kiểm tra trình độ thể lực của SV bằng 6 test theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời so sánh tỷ lệ SV tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa và kết quả học tập môn GDTC của SV. Kết quả so sánh nhịp tăng trưởng trình độ thể lực của SV 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm được trình bày tại bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy: Sau thực nghiệm, SV nhóm đối chứng và thực nghiệm đều có nhịp độ tăng trưởng kết quả kiểm tra trình độ thể lực theo

**Bảng 4. Kết quả so sánh nhịp tăng trưởng trình độ thể lực của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm – thời điểm sau thực nghiệm**

TT	Test/đối tượng	Năm thứ nhất (W%)		Năm thứ hai (W%)		Năm thứ ba (W%)	
		Nhóm ĐC	Nhóm TN	Nhóm ĐC	Nhóm TN	Nhóm ĐC	Nhóm TN
<b>Nam</b>		(n=27)	(n=26)	(n=26)	(n=25)	(n=25)	(n=24)
1	Lực bóp tay thuận (KG)	2.32	3.42	2.14	3.51	2.09	3.62
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 s)	2.28	3.28	2.36	3.37	2.17	3.39
3	Bật xa tại chỗ (cm)	3.01	3.37	3.21	3.42	2.33	3.35
4	Chạy 30m XPC (s)	2.73	3.45	2.05	3.29	2.29	3.26
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	2.48	3.41	2.27	3.51	2.41	3.31
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	2.32	3.39	2.29	3.33	2.35	3.42
<b>Nữ</b>		(n=28)	(n=25)	(n=33)	(n=30)	(n=27)	(n=29)
1	Lực bóp tay thuận (KG)	2.29	3.33	2.13	3.37	2.28	3.48
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 s)	2.33	3.41	2.09	3.35	2.12	3.33
3	Bật xa tại chỗ (cm)	2.39	3.62	2.11	3.29	2.33	3.59
4	Chạy 30m XPC (s)	2.41	3.39	2.33	3.43	2.21	3.41
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	2.25	3.41	2.18	3.37	2.16	3.55
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	2.32	3.23	2.15	3.33	2.22	3.46

**Bảng 5. So sánh tỷ lệ SV tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm**

TT	Đối tượng	Nhóm đối chứng			Nhóm thực nghiệm		
		n	$m_i$	%	n	$m_i$	%
1	Năm thứ nhất	55	13	23.64	51	15	29.41
2	Năm thứ hai	59	11	18.64	55	12	21.82
3	Năm thứ ba	52	12	23.08	53	15	28.30

quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở mức độ tốt, tuy nhiên, nhịp tăng trưởng thể lực của nhóm thực nghiệm tốt hơn hẳn nhóm đối chứng ở tất cả các test kiểm tra, mức độ chênh lệch đạt từ 0,36 – 1,39%.

So sánh tỷ lệ SV tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa của 2 nhóm được trình bày tại bảng 5.

Tỷ lệ SV tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa của nhóm thực nghiệm đã cao hơn hẳn so với nhóm đối chứng ở cả năm thứ nhất, năm thứ hai và năm thứ ba. Như vậy, các giải pháp lựa chọn đã có hiệu quả trong việc thu hút SV tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa. Như vậy, các giải pháp lựa chọn của đề tài đã có hiệu quả cao trong việc nâng cao hiệu quả

GDTC cho SV trường CĐYTQN trong cả việc nâng cao trình độ thể lực, thu hút SV tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa và nâng cao kết quả học tập môn học GDTC cho SV.

### 3. KẾT LUẬN

Quá trình nghiên cứu đề tài lựa chọn 6 giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho SV trường CĐYTQN đảm bảo tính khoa học, độ tin cậy. Sau 1 năm học ứng với dụng 06 biện pháp đã phát huy tác dụng có hiệu quả tốt trong việc nâng cao thể lực cho SV, thu hút SV tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa và nâng cao kết quả học tập môn học GDTC cho SV của nhà trường.



### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số: 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, SV.*
2. Lưu Quang Hiệp, Vũ Đức Thu (1989), *Nghiên cứu về sự phát triển thể chất SV các trường Đại học*, Nxb TDTT, Hà Nội.
3. Novicop A.D - Matveep L.P (1990), *Lý luận và phương pháp GDTC*, Dịch: Phạm Trọng Thanh, Lê Văn Lãm, Nxb Thể dục Thể thao, Hà Nội.
4. Phan Đăng Khoa (2015), *Nghiên cứu thực trạng và xây dựng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác GDTC trường Cao đẳng Công đồng Đồng Tháp*, Luận văn thạc sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học TDTT Tp.Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Đức Văn (2001), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.

*Nguồn bài báo: Được trích từ đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường: “Lựa chọn giải pháp nâng cao hiệu quả GDTC cho SV trường CĐYTQN”, năm 2021, tác giả Vũ Ngọc Thành.*

*Ngày nhận bài: 20/12/2024; Ngày duyệt đăng: 13/3/2024.*